

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HTD VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ HTD VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HTD TECHNOLOGY JOINT VIET NAM STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0110326621

3. Ngày thành lập: 18/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Lực Canh, Xã Xuân Canh, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976347135

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm) Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện	4649
5.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
6.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
7.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
8.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659(Chính)
9.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
12.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
13.	Dịch vụ đóng gói	8292
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa	8299
15.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
16.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
17.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521

18.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Trừ hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
22.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
23.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
26.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
29.	Quảng cáo (Trừ loại nhà nước cấm)	7310
30.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm hoạt động điều tra và hoạt động nhà nước cấm)	7320
31.	Hoạt động nhiếp ảnh (trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
32.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
33.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
34.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
35.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
36.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
37.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
38.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
39.	Sản xuất đồng hồ	2652
40.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
41.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
42.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680

43.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
44.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
45.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
46.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
47.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
48.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
49.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
50.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
51.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
52.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
53.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
54.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
55.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
56.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
57.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	4931
58.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
59.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
60.	Vận tải đường ống	4940
61.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
63.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu) Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa;	5229
66.	Xuất bản phần mềm (loại trừ xuất bản phẩm) Chi tiết: Xuất bản phần mềm	5820
67.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển (trừ máy bay và khinh khí cầu)	7730
69.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
70.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
71.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
72.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
73.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
74.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
76.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
77.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 30.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	DƯƠNG VĂN HÙNG	Thôn Đồng Lương, Xã Hiệp Cường, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	30,000	0330940020 10	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.000	90.000.000	30,000		
2	ĐINH QUỐC TUẤN	TDP Vạn Đoàn, Thị trấn Mỹ Lộc, Huyện Mỹ Lộc, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.000	90.000.000	30,000	0360970073 73	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.000	90.000.000	30,000		

3	DƯƠNG THỊ HUYỀN	Thôn Nhân Lý, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	12.000	120.000.000	40,000	0331900141 20
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	12.000	120.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: DƯƠNG THỊ HUYỀN

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/11/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033190014120

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nhân Lý, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nhân Lý, Xã Nguyễn Trãi, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội